

# CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN TOÀN CẦU

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL COMMUNICATION AND ONLINE PAYMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GCOP., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108579174

**3. Ngày thành lập:** 08/01/2019

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6 tòa nhà Icon4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 9197 999

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                      | 6209     |
| 2.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ an toàn thông tin mạng<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý... | 7490     |
| 3.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động<br>- Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng                                                                              | 6190     |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                 | 8230     |
| 5.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                  | 9511     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa;<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 7.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2610 |
| 8.  | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>(trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2630 |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh sản phẩm an toàn thông tin mạng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651 |
| 10. | Sao chép bản ghi các loại<br>Chi tiết:<br>- Sao chép băng, đĩa hát, đĩa compact và băng máy từ các bản gốc;<br>- Sao chép băng, đĩa từ, băng video phim và các ấn phẩm video từ các bản gốc;<br>- Sao chép các phần mềm và dữ liệu sang đĩa, băng từ các bản gốc.<br>- Tái xuất bản phần mềm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1820 |
| 11. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2620 |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3313 |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4741 |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652 |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7120 |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh. | 7730 |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310 |
| 19. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7320 |
| 20. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4791 |
| 21. | Bưu chính<br>- Kinh doanh dịch vụ bưu chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5310 |
| 22. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6201 |
| 23. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6311 |
| 24. | Cổng thông tin<br>Chi tiết:<br>- Thiết lập Trang thông tin điện tử tổng hợp; Mạng xã hội.<br>(không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                         | 6312 |
| 25. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                                                                                                       | 6399 |
| 26. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                        | 6810 |
| 27. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6820 |
| 28. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8020 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8220 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                    | 8299 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9512 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 32. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                     | 2640        |
| 33. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                             | 3312        |
| 34. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                              | 4742        |
| 35. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                                                                            | 5320        |
| 36. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm, bao gồm sản xuất phần mềm đóng gói; sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; sản xuất phần mềm nhúng; hoạt động gia công phần mềm và hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm. | 5820(Chính) |
| 37. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                    | 6202        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LƯU THỊ HỒNG     | Số 6 ngõ 310 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 7, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.400.000  | 14.000.000.000        | 70,000    | 012471520                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số           | 1.400.000  | 14.000.000.000        | 70,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN TIẾN PHÚC | Thôn Đức Bản, Xã Nhân Nghĩa, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 25,000    | 168190514                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LƯƠNG PHI HÙNG   | Xóm 7, Xã Đức Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                                     | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 5,000     | 168260946                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU THỊ HỒNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 20/10/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012471520

Ngày cấp: 09/04/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 6 ngõ 310 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 7, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P1003 tòa B1 chung cư Mandarin Garden, Số 1 Hoàng Minh Giám, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội